

Số: /PA-UBND

Ngân Sơn, ngày tháng 02 năm 2022

PHƯƠNG ÁN

Quản lý sinh vật gây hại trên một số cây trồng chính vụ xuân năm 2022

Căn cứ Phương án số 24/PA-TT, BVTV&QLCL ngày 27/01/2022 của Chi cục trồng trọt, BVTV&QLCL tỉnh Bắc Kạn về phương án quản lý sinh vật gây hại trên một số cây trồng chính vụ xuân năm 2022.

Để chủ động quản lý sinh vật gây hại (SVGH), bảo vệ an toàn cho sản xuất, đảm bảo năng suất, sản lượng, nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp, góp phần hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch sản xuất nông nghiệp vụ xuân 2022, UBND huyện Ngân Sơn xây dựng Phương án quản lý sinh vật gây hại (SVGH) trên một số cây trồng chính vụ xuân năm 2022 như sau:

I. DỰ KIẾN TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SẢN XUẤT

1. Thời tiết

Theo dự báo của Đài khí tượng thủy văn tỉnh Bắc Kạn, thời tiết vụ xuân năm 2022 trên địa bàn toàn tỉnh có diễn biến chủ yếu như sau:

Từ tháng 02 đến tháng 4/2022 nhiệt độ trung bình trên địa bàn tỉnh có xu hướng cao hơn trung bình nhiều năm (TBNN) từ 0,5 - 1,0° C. Lượng mưa từ tháng 02 đến tháng 4/2021 có xu hướng ít mưa và tổng lượng mưa phổ biến thấp hơn từ 10 - 25% so với TBNN cùng thời kỳ.

Trên khu vực tỉnh Bắc Kạn cần đề phòng khả năng xảy ra các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như đông, lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh trong thời kỳ từ tháng 3 - 4/2022.

Vụ xuân năm 2022 nhận định là vụ xuân ấm, có diễn biến thời tiết phức tạp hơn những năm trước. Thuận lợi cho một số đối tượng sâu bệnh phát sinh gây hại như: Rầy nâu, rầy lưng trắng, bệnh đạo ôn hại lúa, sâu keo mùa thu hại ngô, bệnh thán thư hại cây hồng không hạt, châu chấu lưng vàng hại rừng vầu...

2. Kế hoạch sản xuất vụ xuân năm 2022 (Theo Phương số 3072/PA - UBND ngày 20 tháng 12 năm 2022 của UBND huyện Ngân Sơn về Phương án sản xuất vụ xuân năm 2022).

2.1. Diện tích và cơ cấu giống

- Cây lúa: Diện tích 169 ha. Bố trí các nhóm giống lúa có cùng thời gian sinh trưởng theo từng vùng sản xuất để thuận lợi cho chăm sóc, quản lý sâu bệnh và thu hoạch, cụ thể như sau:

Nhóm giống có thời gian sinh trưởng từ 115 -120 ngày, gồm có Khang dân 18, lúa Japonica VAAS16 (QJ4), Việt Lai 20, Hà Phát 3, HDT10, BQ, CNC11. Nhóm giống có thời gian sinh trưởng từ 125 -130 ngày, gồm có giống Nhị ưu 838,

27P31, Ly 2099, LP 1601, Syn 98, Đại dương 1. Nhóm giống có thời gian sinh trưởng từ 132 -135 ngày, gồm có Sán ưu 63 (Tập giao 1), lúa Japonica J02.

Lưu ý: Đối với các giống lúa chất lượng có nguy cơ nhiễm bệnh đạo ôn cao như: Nhóm giống thuộc dòng Japonica (J02), Ly 2099... các địa phương cần chú ý trong việc xác định, chỉ đạo vùng sản xuất cho phù hợp, không đưa vào sản xuất tại các vùng có điều kiện thời tiết đặc thù thường xuyên có bệnh đạo ôn xuất hiện, gây hại; tăng cường kiểm tra, khuyến cáo người dân chủ động phát hiện phòng trừ bệnh ngay từ khi gieo cấy; khuyến khích các doanh nghiệp có hợp đồng sản xuất liên kết tiêu thụ đối với các loại giống lúa chất lượng cao nêu trên. Đối với các địa phương có điều kiện thời tiết đặc thù, thường xuyên xuất hiện bệnh đạo ôn gây hại, cần khuyến cáo sử dụng các giống đã được gieo cấy tại địa phương nhiều vụ (3 vụ trở lên) cho năng suất, chất lượng và có khả năng chống chịu sâu bệnh tốt; không đưa các giống chưa được đánh giá khả năng chống chịu sâu bệnh tại địa phương vào sản xuất; chủ động áp dụng các biện pháp phòng trừ hợp lý ngay từ giai đoạn mạ, hạn chế bệnh phát sinh, phát triển, ảnh hưởng đến sản xuất. Đối với những diện tích sản xuất lúa hữu cơ, cần thực hiện chuyển đổi sản xuất thông thường sang sản xuất hữu cơ và tiên lựa chọn các giống lúa thuần, giống đặc hữu của địa phương có chất lượng phù hợp với điều kiện đất đai, điều kiện thời tiết của địa phương, có khả năng chống chịu tốt với các đối tượng sâu bệnh hại chính; không sử dụng các giống biến đổi gen, các giống đã qua xử lý bằng hóa chất được quy định tại TCVN 11041-2:2017 Nông nghiệp hữu cơ - Phần 2: Trồng trọt hữu cơ và TCVN 11041-5:2018 Nông nghiệp hữu cơ - Phần 5: Gạo hữu cơ hoặc tiêu chuẩn PGS (Participatory Guarantee System). (Nếu có).

Thời gian gieo mạ xung quanh tiết lập xuân (mùng 4 tháng 2), lưu ý khi nhiệt độ xuống thấp dưới 15° C cần áp dụng biện pháp làm mạ có che phủ nilon để chống rét; cấy tập trung trong tháng 2, đầu tháng 3, kết thúc gieo cấy trước ngày 15/3/2022.

- Cây ngô: Diện tích 810 ha. Sử dụng các giống ngô lai có tiềm năng suất như: NK4300, CP511, Biosed 9698, AG59, HN68, HN88; giống ngô biến đổi gen NK4300 Bt/GT có khả năng kháng sâu đục thân và sâu keo mùa thu cao; giống ngô NK 7328 để sản xuất ngô sinh khối làm thức ăn chăn nuôi. Đối với đất ruộng, soi bãi bắt đầu trồng từ giữa tháng 2, trồng xong trước 15/3/2022; đất đồi bắt đầu trồng từ đầu tháng 3, xong trước 30/4/2022.

- Cây thuốc lá: Diện tích KH 700 ha. Chỉ đạo người dân trồng xong trong tháng 01/2022.

- Khoai môn: Diện tích 10 ha Tập trung trồng trong tháng 02/2021 đến đầu tháng 3/2021.

- Cây khoai lang: Diện tích 10 ha. Sử dụng giống khoai lang lấy củ chất lượng cao như Hoàng Long (thời gian sinh trưởng từ 85-95 ngày), các giống khoai

lang lấy lá, làm thức ăn chăn nuôi. Thời gian trồng từ cuối tháng 2 đến hết tháng 3 năm 2022.

- Rau các loại: Tổng diện tích trồng 110 ha.

- Đậu tương: Diện tích 12 ha. Sử dụng các giống đậu tương ngắn ngày, có tiềm năng năng suất cao, gồm các giống DT84, DT90, DT96, VX9-3; Thời gian trồng từ giữa tháng 2, kết thúc gieo trồng trong tháng 3 năm 2022.

- Lạc: Diện tích 15 ha. Sử dụng các giống lạc như Lạc đỏ, L14, L27, L29. Thời gian trồng từ giữa tháng 2, kết thúc gieo trồng trong tháng 3 năm 2022.

- Cây cam, quýt: Chăm sóc 58 ha hiện có để đảm bảo diện tích cho thu hoạch 31,68 ha.

- Cây hồng không hạt: Chăm sóc 90 ha hiện có để đảm bảo diện tích cho thu hoạch 64 ha. Diện tích thâm canh, cải tạo 37 ha.

2.2. Về thời vụ gieo trồng

- Cây lúa: Thời gian gieo mạ xung quanh tiết lập xuân (mùng 4 tháng 2), lưu ý cần áp dụng biện pháp làm mạ có che phủ nilon để chống rét; phân đầu cây tập trung trong tháng 2, đầu tháng 3, kết thúc gieo cấy trước ngày 15/3/2022

- Cây ngô: Đối với đất ruộng, soi bãi trồng xong trước 15/3/2022; đất đồi xong trước 30/4/2022.

- Cây khoai môn: Tập trung trồng trong tháng 02/2022 đến đầu tháng 3/2022.

- Rau đậu các loại: Tùy từng loại rau, đậu để lựa chọn khung thời vụ phù hợp. Trên cơ sở đất đai, nhu cầu thị trường, tập quán và kinh nghiệm canh tác để gieo trồng các loại rau cho phù hợp. Sử dụng các giống rau có nguồn gốc trong nước hoặc nhập nội như cải bắp, su hào, súp lơ, đậu cô ve, đậu Hà Lan, rau cải các loại, dưa chuột, cà chua.

- Đối với đậu tương, lạc: Kết thúc gieo trồng trong tháng 3/2022.

- Cây thuốc lá: Trồng trong tháng 01/2022.

- Cây ăn quả: Tập trung chăm sóc, cải tạo thâm canh diện tích hiện có để tăng năng suất, chất lượng.

II. DỰ BÁO SVGH CHÍNH TRÊN MỘT SỐ CÂY TRỒNG CHÍNH

1. Cây lúa

Các đối tượng sâu, bệnh hại chính gồm: Rầy nâu và rầy lưng trắng, bệnh đạo ôn, bệnh bạc lá, bệnh đốm sọc vi khuẩn...

1.1. Rầy nâu, rầy lưng trắng (gọi tắt là bọ rầy): Dự báo mức độ gây hại cao hơn vụ xuân 2021. Trong vụ có 3 lứa rầy chính, phát sinh, gây hại cụ thể:

- Lứa 1: Rầy cám nở rộ từ giữa đến cuối tháng 3, hại mạ và lúa mới cấy, diện phân bố hẹp, mật độ phổ biến thấp, cá biệt 300-500con/ m².

- Lứa 2: Rầy cám nở rộ vào giữa đến cuối tháng 4, hại trên diện rộng giai đoạn lúa đẻ nhánh rộ. Mật độ phổ biến 300-500 con/ m², cao 1.500-2.000 con/ m², cá biệt > 4.000con/ m². Hại nặng trên những diện tích mật độ cấy dày, cấy nhiều

4 danh, bón phân không cân đối, những diện tích nhiễm rầy nặng của năm trước, nếu không chủ động phòng trừ sẽ gây “cháy rầy” từng chòm vào cuối tháng 4 - đầu tháng 5.

- Lúa 3: Rầy cám nở rộ từ giữa đến cuối tháng 5. Do xen gối rầy lúa 3 nên mật độ tăng cao; mật độ phổ biến 300-500 con/ m², cao 2.000-3.000 con/ m², cá biệt > 5.000 con/ m²; nếu không chủ động phòng trừ sẽ gây “cháy rầy” vào cuối tháng 5 - đầu tháng 6, giai đoạn lúa làm đòng.

1.2. Sâu cuốn lá nhỏ: Dự báo thời gian phát sinh và mức độ gây hại thấp hơn vụ xuân 2021.

- Lúa 1, lúa 2: Mật độ phổ biến thấp, tỷ lệ lá bị hại không đáng kể.

- Lúa 3: Trưởng thành ra rộ khoảng đầu tháng 5, sâu non gây hại từ giữa đến cuối tháng 5; mật độ phổ biến 5-10 con/ m², cá biệt 30 con/ m². Nếu không chủ động phun trừ sâu hại nặng làm cho lá trắng, ảnh hưởng đến lá đòng.

1.3. Bệnh đạo ôn: Là vụ xuân ấm, thời tiết diễn biến phức tạp nên xu hướng bệnh phát sinh gây hại sớm hơn với mức độ gây hại cao hơn so với vụ xuân 2021, thời gian phát sinh gây hại cụ thể:

- Bệnh đạo ôn lá: Phát sinh từ cuối tháng 3, gây hại mạnh trong tháng 4 tháng 5, tỷ lệ hại phổ biến 1-2% lá, cao 7-10% lá, cá biệt > 70% lá. Hại nặng trên các giống nhiễm, bón nhiều đạm, những diện tích cây dày và có khả năng gây lụi khi gặp điều kiện thời tiết âm u, ẩm độ cao. Chú ý phòng bệnh trên các giống Nhị ưu 838, 27P31, Sán ưu 63 (Tạp giao 1), lúa Japonica J02, Ly 2099, BC 15...

- Bệnh đạo ôn cổ bông: Phát sinh gây hại trên các giống nhiễm từ cuối tháng 5 đến đầu tháng 6, nhất là trên những diện tích bị nhiễm bệnh đạo ôn lá khi trở bông gặp điều kiện thời tiết thuận lợi cho bệnh phát sinh, tỷ lệ hại phổ biến thấp, cao 3-5 % bông, cá biệt > 70% bông.

1.4. Bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn: Dự báo mức độ gây hại tương đương vụ xuân 2021. Bệnh phát sinh gây hại từ cuối tháng 4 đến đầu tháng 5 khi có những đợt mưa giông đầu mùa. Thường ở những chân ruộng bị mưa lũ tràn qua và cấy các giống có bản lá to, màu xanh đậm; bệnh hại nặng những ruộng thường xuyên bị bệnh ở những vụ trước, ruộng bón nhiều đạm, bón đạm muộn và bón không cân đối.

1.5. Bệnh khô vằn: Dự báo mức độ gây hại cao hơn vụ xuân 2021. Bệnh phát triển mạnh giai đoạn lúa đứng cái đến cuối vụ, hại nặng trên những ruộng cấy dày, bón thừa đạm.

* *Các loại sâu bệnh khác:*

- Bệnh nghệt rễ: Hại chủ yếu khi nhiệt độ xuống thấp, trên những ruộng đất chua, thụt, cấy sâu tay, bón phân hữu cơ chưa hoại mục...

- Bệnh lùn sọc đen: Bệnh có nguy cơ phát sinh và gây hại rải rác tại một số nơi trên địa bàn tỉnh khi mật độ rầy tăng cao và có sẵn nguồn bệnh từ năm trước tuy nhiên dự báo khả năng gây hại thấp hơn so với vụ Đông xuân năm trước.

- Ốc brou vàng: Gây hại lúa giai đoạn mới cấy - hồi xanh, hại nặng những ruộng trũng hàng năm thường xuyên xuất hiện ốc brou vàng và những ruộng không canh tác vụ đông, những ruộng có mương dẫn nước trực tiếp từ ao, hồ chứa, khe suối vào.

- Sâu đục thân: Lúa từ giữa tháng 3 đến cuối tháng 5 gây ung đòng, bông bạc giai đoạn lúa ôm đòng đến trổ bông.

- Chuột: Gây hại từ giai đoạn cuối đẻ nhánh, thường hại nặng ở những ruộng cạn nước, trong khe hoặc những ruộng ven rừng, đồi, gò.

- Ruồi đục nõn: Ruồi thường hại mạnh vào tháng 3 đến tháng 4; các giống lúa lai lá to, xanh đậm hoặc trên những ruộng trong khe thiếu ánh sáng thường bị hại nặng.

2. Cây ngô: Dự báo thành phần và mức độ gây hại cao hơn vụ xuân 2021.

2.1. *Sâu keo mùa thu:* Sâu keo mùa thu vẫn tiếp tục gây hại. Sâu non tuổi nhỏ ăn lá nõn, râu, cò mới nhú, sâu tuổi lớn ăn khuyết lá, râu ngô, hạt non làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới sinh trưởng và năng suất của cây ngô

2.2. *Sâu gai:* Xuất hiện từ giữa tháng 4, gây hại mạnh trong tháng 5. Mật độ cá biệt > 100 con/ m². Chú ý theo dõi những diện tích đã bị hại từ các vụ trước tại các địa phương.

2.3. *Sâu đục thân, đục bắp:* Sâu phát sinh vào cuối tháng 3, phát triển mạnh vào giữa tháng 5 đến đầu tháng 6 khi ngô đang giai đoạn trổ cờ - tạo hạt, tỷ lệ hại phổ biến thấp, cá biệt > 30%.

2.4. *Bệnh đốm lá:* Phát sinh, gây hại chủ yếu trên những diện tích sinh trưởng kém. Bệnh đốm lá nhỏ phát sinh, gây hại từ đầu tháng 4, giai đoạn ngô đang phát triển thân lá; bệnh đốm lá lớn gây hại khi cây ngô bắt đầu giai đoạn xoáy nõn - trổ cờ từ tháng 5 đến đầu tháng 6. Tỷ lệ hại phổ biến 3-5%, cao 10%, cá biệt 20-30%.

2.5. *Bệnh khô vằn, bệnh thối thân:* Phát sinh, gây hại từ cuối tháng 4, gây hại cục bộ trên những diện tích trồng dày, bón thừa đạm, ruộng không thoát nước. Tỷ lệ hại phổ biến thấp, cá biệt 20-30%.

* *Các loại sâu bệnh khác:* Sâu xám, dế, bọ hung, bệnh huyết dụ gây hại giai đoạn mọc - 4 lá; Bệnh lùn sọc đen, bệnh sương mai, bệnh lùn đẻ nhánh và hiện tượng lùn cây ngô gây hại giai đoạn 4-7 lá. Châu chấu tre lưng vàng gây hại tại các diện tích giáp ranh với khu vực rừng thường xuyên có châu chấu xuất hiện.

3. *Cây dong riềng (nếu có) Bệnh thối thân, bệnh cháy lá:* Phát triển và gây hại giai đoạn phát triển thân lá, hại chủ yếu ở những diện tích trồng dày, không thoát nước, những diện tích đất nghèo dinh dưỡng, diện tích năm trước bị bệnh; tỷ lệ hại phổ biến thấp, cá biệt > 20%.

4. *Cây gừng, nghệ:*

4.1. *Bệnh cháy lá:* Bệnh phát triển và gây hại giai đoạn phát triển thân lá; bệnh thường xuất hiện trong những ngày ẩm độ cao, ít nắng, sương mù kéo dài, hại

chủ yếu trên những diện tích trồng dày, không thoát nước, diện tích năm trước bị bệnh.

4.2. *Bệnh thối khô củ*: Bệnh do nấm gây ra. Bệnh gây hại trên diện tích trồng dày, không thoát nước, diện tích năm trước bị bệnh. Hại cục bộ, tỷ lệ bệnh hại cá biệt > 40% số cây.

4.3. *Bệnh thối ướt củ*: Bệnh do vi khuẩn gây ra. Đất trồng gừng, nghệ liên tục nhiều năm, những vườn khi mưa to thoát nước chậm, những vùng đất trồng thường xuyên quá ẩm thường bị bệnh nặng. Tỷ lệ bệnh phổ biến 5-10% số cây, cá biệt > 50% số cây.

5. *Cây thuốc lá*: Dự báo thời gian phát sinh và mức độ gây hại tương đương vụ xuân 2021.

5.1. *Sâu xám*: Gây hại giai đoạn cây con mới trồng; Sâu khoang hại chủ yếu ở giai đoạn cây phát triển thân lá.

5.2. *Rệp*: Gây hại chủ yếu vào cuối tháng 4 đầu tháng 5 giai đoạn cây chuẩn bị ra nụ, hại nặng gây ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng lá thuốc.

5.3. *Bệnh chết rạp cây con*: Bệnh thường gây hại từ khi cây mới mọc, bệnh thể hiện rõ nhất khi cây từ 3 - 5 lá thật trở lên.

5.4. *Bệnh đốm mắt cua, bệnh đen thân*: Xuất hiện khi ẩm độ không khí cao, ruộng có nhiều cỏ dại.

6. *Cây chè*:

6.1. *Rầy xanh, bọ xít muỗi, bọ cánh tơ*: Phát sinh, gây hại từ tháng 3 đến hết tháng 10. Tỷ lệ hại cao 5-10% số búp, cá biệt 50% số búp. Hại nặng hơn trên những nương chè không có cây che bóng hoặc mật độ cây che bóng quá thưa, bọ xít muỗi hại nặng những nương chè trồng gần rừng.

6.2. *Nhện đỏ*: Gây hại nặng trên lá bánh tẻ vào tháng 5 - 6 khi thời tiết khô hạn, tỷ lệ hại cao 20 - 30% số lá; cá biệt 40 - 50% số lá.

6.3. *Bệnh đốm nâu, đốm xám, bệnh phồng lá, bệnh thối búp*: Gây hại khi trời âm u, ẩm độ cao từ tháng 3 - 4 và tháng 9 - 10 mức độ nhẹ đến trung bình.

7. *Cây ăn quả có múi*:

7.1. *Sâu nhót và sâu vẽ bùa*: Gây hại mạnh lộc xuân vào tháng 3 (khi lộc xuân ra rộ) và lộc hè vào tháng 6, tháng 7. Tỷ lệ lá hại phổ biến 2 - 3%, cao 5 - 10%, cá biệt có thể làm rụng lá, chồi non.

7.2. *Nhện đỏ, rệp*: Thời tiết khô hạn là điều kiện thuận lợi cho nhện đỏ, rệp phát triển và gây hại nặng, tỷ lệ phổ biến 5-10%; cao 20%, cá biệt > 50%.

7.3. *Bệnh do nấm (Bệnh phấn trắng, bệnh nứt thân chảy nhựa, bệnh vàng lá thối rễ)*:

- Bệnh phấn trắng: Phát triển mạnh vào tháng 3 khi thời tiết ẩm, có mưa phùn. Tỷ lệ cây bị bệnh phổ biến 5 - 10%, cao 20%, cá biệt > 40%.

- Bệnh nứt thân chảy nhựa, bệnh vàng lá thối rễ: Bệnh phát sinh gây hại quanh năm, gây hại mạnh trong mùa mưa. Chủ yếu gây hại tại những vườn gần khe

nước, độ ẩm cao, gây chết cây nếu chủ vườn không phòng trừ kịp thời, tỷ lệ hại phổ biến 5-10%, cao 20%, cá biệt > 30%. Ngoài ra chú ý theo dõi và phòng trừ: Bệnh vàng lá gân xanh (Greening) do vi khuẩn.

8. *Cây Hồng không hạt*: Bệnh phát sinh giai đoạn cây ra lộc, phát triển mạnh khi điều kiện thời tiết thuận lợi (nhiệt độ, ẩm độ cao...); trên quả, bệnh xuất từ cuối tháng 5 đầu tháng 6 và hại nặng giai đoạn tháng 7 và trước thu hoạch, đặc biệt là trên những diện tích nhiễm bệnh từ năm trước. Nếu không chủ động áp dụng đồng bộ các biện pháp phòng trừ, sẽ làm rụng hoa, quả gây giảm năng suất, chất lượng quả, hại nặng không cho thu hoạch.

9. *Cây lâm nghiệp*:

9.1. *Bệnh thán thư hại cây hồi*: Bệnh tiếp tục gây hại cục bộ trên diện tích bị bệnh những năm trước không được phòng trừ. Bệnh có khả năng lây lan ra diện rộng và có nguy cơ thành dịch nếu các biện pháp phòng trừ không được áp dụng kịp thời và không phun trừ đồng loạt.

9.2. *Sâu ong hại cây mỡ*: Trưởng thành sâu ong vũ hóa rải rác từ cuối tháng 2, sâu non gây hại mạnh từ giữa tháng 3 đến cuối tháng 4. Dự báo diện tích nhiễm và mức độ gây hại tương đương vụ xuân 2021.

9.3. *Châu chấu tre hại rừng vầu*: Dự báo châu chấu sẽ nở vào khoảng đầu tháng 4, vòng đời châu chấu dài, thời gian châu chấu sống và phá hại từ 5 - 6 tháng. Cần chủ động điều tra, xác định ổ châu chấu mới nở, còn co cụm, để phòng trừ. Chú ý khu vực các xã: Thượng Quan (*thôn Slam Coóc, Khuổi Bin*), Thuận Mang, Bằng Vân.

9.4. *Vòi voi hại quế*: Phát sinh và gây hại giai đoạn cây ra lộc, hại nặng trên các diện tích đã bị hại từ các năm trước.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trung tâm dịch vụ nông nghiệp:

- Tổ chức điều tra, phát hiện, dự tính, dự báo tình hình dịch hại trên cây trồng nông nghiệp, lâm nghiệp, cây lâm sản ngoài gỗ trên địa bàn theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương pháp điều tra phát hiện dịch hại cây trồng (QCVN 01-38:2010/BNNPTNT) và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Kiểm dịch và Bảo vệ thực vật (Thông tư số 16/2014/TT-BNNPTNT ngày 05/6/2014); báo cáo đầy đủ, kịp thời cho chính quyền địa phương và Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

- Đề xuất các chủ trương, biện pháp phòng trừ kịp thời có hiệu quả, bảo vệ an toàn cho sản xuất.

- Tổ chức điều tra bổ sung trước, trong và sau cao điểm sâu, bệnh hại; thông báo và chỉ đạo phòng trừ kịp thời sâu, bệnh hại trong cao điểm. Không để dịch sâu, bệnh xảy ra ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng và chất lượng cây trồng.

- Tăng cường công tác điều tra, phát hiện, đặc biệt chú ý theo dõi những khu vực châu chấu đẻ trứng (khu vực có nhiều xác châu chấu trưởng thành chết tự

nhiên) để kịp thời tiêu diệt các ổ trứng, các ổ châu chấu mới nở, không để châu chấu phát triển và di chuyển lên ăn lá cây vầu và các cây trồng khác như lúa, ngô...

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn hộ nông dân thực hiện đồng bộ các biện pháp kỹ thuật như: Cây đúng thời vụ, cây với mật độ hợp lý, bón phân cân đối. Đẩy mạnh mở rộng diện tích áp dụng SRI trên cây lúa, tăng cường áp dụng IPM trên các loại cây trồng và các biện pháp sinh học, giảm thiểu sử dụng thuốc hóa học để quản lý dịch hại tổng hợp bền vững. Hướng dẫn nông dân sử dụng các loại thuốc BVTV theo kỹ thuật “ 4 đúng” nhằm đạt hiệu quả phòng trừ cao, an toàn đối với người, vật nuôi và môi trường.

- Thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền về Luật bảo vệ và Kiểm dịch thực vật, các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong phòng trừ sinh vật gây hại đến nông dân. Tăng cường công tác tuyên truyền cho dân sử dụng các giống cây trồng có nguồn gốc xuất xứ ràng giảm nguy cơ do sinh vật gây hại gây ra.

- Phối hợp với phòng Nông nghiệp &PTNT kiểm tra, đôn đốc cơ sở triển khai thực hiện phương án, đề xuất các phương án phòng trừ sinh vật gây hại cây trồng.

2. Phòng Nông nghiệp &PTNT:

- Phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, đôn đốc các địa phương triển khai phương án; tăng cường công tác tuyên truyền vận động nhân dân thường xuyên thăm đồng để phát hiện các sinh vật gây hại và có biện pháp phòng trừ kịp thời.

- Tham mưu, đề xuất các phương án phòng trừ các sinh vật gây hại đối với cây trồng trên địa bàn huyện.

- Tổng hợp báo cáo tình hình sinh vật gây hại trên các loại cây trồng chính về Sở Nông nghiệp &PTNT, chỉ cục trồng trọt và BVTV theo quy định.

3. Trung tâm văn hóa thể thao và truyền thông:

- Xây dựng khung giờ phát sóng, chuyên mục tuyên truyền, khuyến cáo cho nông dân về tình hình phát sinh, phát triển và biện pháp phòng trừ các đối tượng sinh vật gây hại trên cây trồng chính.

- Tuyên truyền phổ biến rộng rãi Phương án quản lý sinh vật gây hại vụ xuân trên các phương tiện thông tin đại chúng để mọi người biết và thực hiện.

4. Chi nhánh vật tư nông nghiệp huyện và các cơ sở kinh doanh vật tư nông nghiệp.

Chuẩn bị đầy đủ, kịp thời các loại thuốc BVTV để nông dân chủ động phòng trừ sinh vật gây hại cây trồng, nông sản.

5. UBND các xã, thị trấn:

- Tổ chức triển khai phương án quản lý sinh vật gây hại và các biện pháp phòng trừ sinh vật gây hại cây trồng đến toàn thể nhân dân.

- Chỉ đạo và hướng dẫn bà con nông dân gieo trồng đúng lịch thời vụ, chăm sóc kịp thời, tạo điều kiện cho cây sinh trưởng khỏe, có khả năng chống chịu sâu

bệnh; thường xuyên thăm đồng và chủ động phòng trừ kịp thời; sử dụng thuốc BVTV theo nguyên tắc “4 đúng”.

- Thông tin nội dung các văn bản hướng dẫn công tác trồng trọt & BVTV hàng tuần đến các thôn bản và người nông dân để kịp thời phát hiện và phòng trừ sâu bệnh hại hiệu quả; thông báo cho phòng Nông nghiệp và trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện về tình hình SVGH trên địa bàn, chỉ đạo phòng trừ kịp thời không để SVGH phát triển, lây lan ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất.

- UBND các xã Bằng Vân, Vân Tùng, Thượng Quan, Thuận Mang chủ động xây dựng kế hoạch phòng trừ châu chấu gây hại cây trồng, không để châu chấu gây hại trên diện rộng đặc biệt là lúa, ngô.

- Thường xuyên kiểm tra và báo cáo kịp thời về Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện không để sinh vật gây hại phát triển, lây lan ảnh hưởng đến sản xuất.

Trên đây là nội dung phương án sản xuất, quản lý dịch hại trên cây trồng chính vụ xuân năm 2022 của UBND huyện Ngân Sơn.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Sở Nông nghiệp & PTNT (B/c);
- Chi cục TT, BVTV & QLCL (B/c);
- TT. Huyện ủy - HĐND huyện (B/c);
- LĐ.UBND huyện (B/c);
- Phòng NN&PTNT (T/h);
- Trung tâm văn hóa thể thao và truyền thông (t/h);
- Trung tâm dịch vụ nông nghiệp (T/h);
- UBND các xã, thị trấn (T/h);
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Thị Phương Quế